TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2020
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Việt Hưng
2. Bà Trần Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà*:* Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2020/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1958

Địa chỉ: KDC K, phường An K, quận N, thành phố Cần Thơ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Ông Phạm Hùng A, sinh năm 1955

Địa chỉ: KDC K, phường An K, quận N, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/4/2020, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Phạm Hùng A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng khi đứa con thứ ba được 14 tuổi thì giữa bà và ông Phạm Hùng A bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hạnh phúc, bà và ông Phạm Hùng A đã sống ly thân gần 20 năm nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Phạm Hùng A là không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hùng A.

Thời gian chung sống, giữa bà và ông Phạm Hùng A có với nhau 03 người con chung gồm: Phạm Minh H (nam), sinh ngày 25/5/1980; Phạm Minh L (nữ), sinh ngày 19/8/1983 và Phạm Chí C (nam), sinh ngày 15/7/1987. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà Nguyễn Tuyết M yêu cầu được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Phạm Hùng A dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã có lời khai trong hồ sơ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

-Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977. Căn cứ theo Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, do vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nay bà Tuyết M có đơn yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận đối với yêu cầu của bà, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A là vợ chồng; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền gải quyết vụ án: bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại điều 131 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau:" *1. Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết".*

Đối chiếu với trường hợp này, sẽ áp dụng quy định của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ chung sống giữa hai bên.

Căn cứ Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình thì:

"3. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;

c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết."

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*."

Căn cứ vào các quy định trên có cơ sở xác định, bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987, hiện ông bà chưa đăng ký kết hôn thì hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Tuy nhiên, khi đương sự có yêu cầu ly hôn thì Tòa án vẫn phải thụ lý, giải quyết theo quy định; Bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A có nơi cư trú tại phường An K, quận N, TP. Cần Thơ; Căn cứ theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ việc ly hôn của ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn xin ly hôn; Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M được lập đúng quy định pháp luật. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn xác định không có tài sản chung, nợ chung; các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời có yêu cầu được giải quyết vắng mặt khi xét xử. Riêng đối với bị đơn ông Phạm Hùng A, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: theo bà Nguyễn Tuyết M, sau khi về chung sống với nhau, thời gian đầu ông bà rất hạnh phúc, nhưng khi người con thứ ba được 14 tuổi thì giữa bà và ông Hùng A phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân gần 20 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hùng A.

Xét thấy: Bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A xác lập quan hệ hôn nhân thực tế vào năm 1977, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại ông bà vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông bà không được pháp luật thừa nhận, không phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Nay bà Nguyễn Tuyết M có đơn yêu cầu ly hôn, ông Phạm Hùng A dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, xem như ông không còn thiết tha với mối quan hệ này và không có nhu cầu hàn gắn tính cảm với bà Tuyết M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho bà Tuyết M cần xem xét chấp nhận đối với yêu cầu ly hôn của bà, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phạm Hùng A.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, giữa bà Tuyết M và ông Phạm Hùng A có với nhau 03 người con chung gồm: Phạm Minh H (nam), sinh ngày 25/5/1980; Phạm Minh L (nữ), sinh ngày 19/8/1983 và Phạm Chí C (nam), sinh ngày 15/7/1987. Các con đều đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Bà Nguyễn Tuyết M trình bày là không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt ông Phạm Hùng A nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch: Do bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1958 thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Tuyết M. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A.

2. Về con chung: Thời gian chung sống, giữa bà Nguyễn Tuyết M và ông Phạm Hùng A có với nhau 03 người con chung gồm: Phạm Minh H (nam), sinh ngày 25/5/1980; Phạm Minh L (nữ), sinh ngày 19/8/1983 và Phạm Chí C (nam), sinh ngày 15/7/1987. Các con đều đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Bà Nguyễn Tuyết M trình bày thời gian chung sống giữa bà và ông Phạm Hùng A không có nợ chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt ông Phạm Hùng A nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Tuyết M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
PHẠM THỊ BÉ HIỀN